TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/4/2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Quốc Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Lê Thụy.

2. Bà Nguyễn Hoàng Bích Loan.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: ông Thanh Lê Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 590/2018/TLST- HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lưu Thị Kim Ph**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, khu phố U1, thị trấn U, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, khu phố U1, thị trấn U, tỉnh Bình Thuận.

Tại Pên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lưu Thị Kim Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân*:* Bà và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn U, huyện W, tỉnh Bình Thuận

vào năm 2011, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi cho bà và ông Đ. Sau khi cưới bà và ông Đ ra ở riêng tại khu phố U1, thị trấn U, huyện W, tỉnh Bình Thuận. Cuộc sống vợ chồng của ông bà ban đầu rất hạnh phúc nhưng sau đó giữa bà và ông Đ liên tục phát sinh những mâu thuẫn vì những vấn đề trong cuộc sống hàng ngày, vì công việc bà thường đi làm về muộn dẫn tới ông Đ ghen tuông dẫn tới ông bà thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn nhỏ cứ tích lũy và ngày trở nên trầm trọng hơn. Mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm bà và ông Đ đã sống ly thân gần 2 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà cảm thấy thật sự không còn tình cảm với ông Đ, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn Đ có 02 người con chung tên Nguyễn Văn N (sinh ngày 02/12/2010); Nguyễn Văn P (sinh ngày 23/5/2012). Bà Ph yêu cầu được nhận nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông Nguyễn Văn Đ theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông Đ vẫn cố tình vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông cũng vắng mặt.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã làm việc được với ông Nguyễn Văn Đ một lần vào ngày 22/01/2019, tại biên bản lời khai ngày 22/01/2019, ông Đ khai:

Về hôn nhân: Ông Đ thừa nhận ông và bà Lưu Thị Kim Ph tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, ông và bà Ph xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn U vào năm 2011. Cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà Ph thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng đã rạn vỡ, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên đồng ý ly hôn với bà Ph.

Về con chung: Ông và bà Lưu Thị Kim Ph có 02 người con chung tên Nguyễn Văn N (sinh ngày 02/12/2010); Nguyễn Văn P (sinh ngày 23/5/2012). Ông đồng ý giao 02 con chung cho bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật:

- Các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại Pên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 01 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Kim Ph.

- Về hôn nhân: Bà Lưu Thị Kim Ph được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Văn N (sinh ngày 02/12/2010); Nguyễn Văn P (sinh ngày 23/5/2012) cho bà Lưu Thị Kim Ph trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ph không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình, giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Đ không thực hiện theo các giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại tại các Pên họp, Pên hòa giải mà không có lý do chính đáng. Qua xác minh, Tòa án xác định địa chỉ của ông Đ mà nguyên đơn cung cấp là đúng với thực tế và đã tiến hành việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông Đ nhưng do ông Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Lưu Thị Kim Ph, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà Ph và ông Đ được xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn U, huyện W, tỉnh Bình Thuận và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01 ngày 23/02/2011.

Theo các chứng cứ thu thập được thì trong quá trình chung sống, ông Đ có tính ghen tuông hay nghi ngờ bà Ph dẫn tới ông Đ và bà Ph thường hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, mâu thuẫn ngày qua ngày trở nên trầm trọng dẫn tới tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn lên tới đỉnh điểm khi hai ông bà sống ly thân với nhau tính đến nay đã gần được hai năm. Tuy trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải nhưng đã có lời khai thể hiện ông chấp nhận ly hôn với bà Ph do cuộc sống vợ chồng ông bà thường xuyên mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà Ph không thể kéo dài thêm được nữa nên đồng ý ly hôn với bà Ph. Từ các căn cứ trên cho thấy tình cảm vợ chồng của bà Ph và ông Đ không còn nữa, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ vào

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ph đối với ông Đ.

[3] Về con chung: Bà Lưu Thị Kim Ph và ông Nguyễn Văn Đ có 02 người con chung tên Nguyễn Văn N (sinh ngày 02/12/2010); Nguyễn Văn P (sinh ngày 23/5/2012) hiện cháu N và cháu P đang ở với bà Ph. Bà Ph yêu cầu được nhận nuôi dưỡng cháu N và cháu P, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu N và ông Đ thì cháu N có nguyện vọng là tiếp tục được ở với mẹ là bà Ph, cũng như ông Đ cũng có lời khai chấp nhận để bà Ph tiếp tục nuôi dưỡng các con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu về việc giải quyết con chung của bà Ph là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của bà Ph.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Về án phí: Bà Lưu Thị Kim Ph phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 01 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Kim Ph.

[1] Về hôn nhân: Bà Lưu Thị Kim Ph được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

[2] Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Văn N (sinh ngày 02/12/2010); Nguyễn Văn P (sinh ngày 23/5/2012) cho bà Lưu Thị Kim Ph trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn P đủ 18 tuổi.

Bà Lưu Thị Kim Ph không yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lưu Thị Kim Ph không được ngăn cản ông Nguyễn Văn Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[3] Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Lưu Thị Kim Ph phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà Ph đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên

lai thu số 0019739 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà Ph đã nộp đủ án phí.

[5] Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/4/2019), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND thị trấn U;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa Pên tòa

Trần Quốc Trí